

Số: 46 /2008/QĐ-UBND

Biên Hoà, ngày 1 tháng 8 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng đối với
các công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động ở các đô thị
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BXD-BTTTT ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin và Truyền thông về cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động ở các đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 525/TTr-STTTT ngày 07 tháng 8 năm 2008 về việc ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trạm thu, phát sóng di động ở các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trạm thu, phát sóng di động ở các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT; CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thịnh

QUY ĐỊNH

**Về việc cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình
trạm thu, phát sóng thông tin di động ở các đô thị
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2008/QĐ-UBND ngày 1 tháng 8 năm
2008 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn những nội dung về cấp giấy phép xây dựng cho việc xây dựng, lắp đặt các trạm thu, phát sóng thông tin di động ở đô thị (dưới đây gọi tắt là trạm BTS).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, lắp đặt các trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Trạm BTS loại 1: Là công trình xây dựng bao gồm nhà trạm và cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động được xây dựng trên mặt đất.
2. Trạm BTS loại 2: Là cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động và thiết bị phụ trợ được lắp đặt trên các công trình đã được xây dựng.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

**Điều 4. Các trạm BTS khi xây dựng, lắp đặt yêu cầu phải có giấy
phép xây dựng**

1. Khi xây dựng, lắp đặt các trạm BTS chủ đầu tư phải xin giấy phép xây dựng theo hướng dẫn của Quy định này và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Các trạm BTS loại 2 trước khi thiết kế phải khảo sát, kiểm tra bộ phận chịu lực của công trình để xác định vị trí lắp đặt cột ăng ten và thiết bị phụ trợ. Việc thiết kế kết cấu và thiết kế thi công cột ăng ten phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của công trình, điều kiện tự nhiên, khí hậu của khu vực lắp đặt để đảm bảo khả năng chịu lực, an toàn và ổn định công trình và cột ăng ten sau khi lắp đặt.

3. Các trạm BTS loại 2 khi xây dựng, lắp đặt ở ngoài khu vực tại Điều 5 của Quy định này thì không phải xin giấy phép xây dựng nhưng phải đảm bảo các yêu cầu tại Điều 6 của Quy định này.

Điều 5. Khu vực phải xin giấy phép xây dựng đối với trạm BTS loại 2

1. Các phường thuộc thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh;

2. Khu vực thị trấn thuộc các huyện Long Thành, Trảng Bom, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc và Vĩnh Cửu;

3. Các xã thuộc khu vực quy hoạch phát triển đô thị huyện Nhơn Trạch, khu vực quy hoạch trung tâm hành chính thuộc huyện Thống Nhất và Cẩm Mỹ;

4. Khu vực vành đai sân bay quốc tế Long Thành (các xã Long Phước, Bà Cạn, Cẩm Đường, Suối Trầu, Bình An và Bình Sơn của huyện Long Thành);

5. Khu vực vành đai sân bay Biên Hoà (các phường thuộc thành phố Biên Hoà và các xã Bình Hoà, Tân Bình thuộc huyện Vĩnh Cửu).

6. Trong phạm vi 100m tính từ tìm đường sang hai bên lề đường, dọc các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ;

7. Trong phạm vi 100 m kể từ ranh giới Trụ sở UBND xã;

8. Trong phạm vi 100 m kể từ ranh giới đối với các khu bảo tồn di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh;

9. Trong phạm vi 100 m kể từ ranh giới đối với các vườn hoa; Đài tưởng niệm; Nghĩa trang; Công viên; Quảng trường; Công trình quảng cáo; Các khu du lịch;

10. Trong toàn bộ khu vực, vành đai các vị trí an ninh, quân sự;

11. Chỉ cấp phép xây dựng đối với các trạm BTS cách ranh giới trụ sở Tỉnh uỷ, HĐND và UBND tỉnh; Thành uỷ, Thị uỷ, Huyện uỷ và UBND các huyện, thị xã và thành phố từ 200 mét trở lên.

Điều 6. Điều kiện khi lắp đặt trạm BTS loại 2 nằm ngoài khu vực phải xin giấy phép xây dựng

1. Có văn bản chấp thuận của Sở Thông tin và Truyền thông về vị trí, địa điểm lắp đặt;

2. Đáp ứng các điều kiện tại khoản 3 mục II Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BXD-BTTTT ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 7. Yêu cầu tuân thủ theo quy hoạch

1. Doanh nghiệp phải báo cáo kế hoạch dự kiến xây dựng, lắp đặt trạm BTS trong năm trên địa bàn tỉnh về Sở Thông tin và Truyền thông. Thời gian báo cáo trong quý I hàng năm.

2. Cơ quan cấp phép xây dựng chỉ cấp phép xây dựng khi chủ đầu tư có văn bản chấp thuận của Sở Thông tin và Truyền thông về vị trí, địa điểm xây dựng, lắp đặt trạm BTS.

Điều 8. Yêu cầu dùng chung cơ sở hạ tầng thông tin

1. Đối với trạm BTS loại 1 phải cam kết cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin di động sử dụng chung cơ sở hạ tầng (nhà trạm, cột ăng ten) nhưng không được quá bốn doanh nghiệp.

2. Đối với trạm BTS loại 2 phải cam kết cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin di động sử dụng chung cơ sở hạ tầng (nhà trạm, cột ăng ten) nhưng không được quá hai doanh nghiệp đối với loại ăng ten dây co và không được quá ba doanh nghiệp đối với loại ăng ten tự đứng.

Điều 9. Hồ sơ xin giấy phép xây dựng

1. Văn bản chấp thuận của Sở Thông tin và Truyền thông về vị trí, địa điểm xây dựng, lắp đặt;

2. Các hồ sơ theo quy định tại điểm 1.1 (đối với trạm BTS loại 1) và điểm 1.2 (đối với trạm BTS loại 2) khoản 1 mục II Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BXD-BTTTT ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 10. Nội dung và thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng

1. Nội dung giấy phép xây dựng đối với trạm BTS loại 1 theo mẫu tại Phụ lục số 3; đối với trạm BTS loại 2 theo mẫu tại Phụ lục số 4 của Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BXD-BTTTT ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng:

a. Sở Xây dựng cấp phép xây dựng đối với các trạm BTS loại 1.

b. UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà cấp phép xây dựng đối với các trạm BTS loại 2 nằm trong khu vực phải xin phép xây dựng tại địa phương.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Xác định vị trí xây dựng, lắp đặt các trạm BTS sao cho phù hợp Quy hoạch ngành Bưu chính Viễn thông và mỹ quan đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Có văn bản trả lời (chấp thuận hoặc không chấp thuận) trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trạm BTS;

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân có liên quan hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS; hướng dẫn các doanh nghiệp trong việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng nhà trạm và cột ăng ten.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Quy định này.

Điều 12. Cơ quan cấp phép xây dựng

1. Sở Xây dựng và UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà cấp phép xây dựng trạm BTS khi chủ đầu tư có đủ các điều kiện tại Quy định này và các quy định khác của pháp luật về xây dựng. Thời gian giải quyết tối đa là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của của các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trạm BTS.

2. Gửi bản sao giấy phép xây dựng cho Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi, quản lý.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS trên địa bàn theo hướng dẫn tại Quy định này.

Điều 13. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

1. Các tổ chức đầu tư xây dựng và khai thác các trạm BTS có trách nhiệm:

a. Thực hiện đúng các quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất kế hoạch phát triển mạng thông tin di động tại mỗi địa phương;

c. Tham gia tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS;

d. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vi phạm do không thực hiện đúng theo Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

2. Tổ chức, cá nhân tham gia thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt các trạm BTS có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BXD-BTTTT ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 14. Trong quá trình triển khai áp dụng, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ao Văn Thịnh